

Số: 3278/QĐ-SKHĐT

Ninh Thuận, ngày 27 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận

GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 3236/QĐ-SKHĐT ngày 24/9/2019 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc kiện toàn Ban chỉ đạo ISO và Tổ thư ký triển khai và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 02/07/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;



Căn cứ Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo ISO,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hệ thống tài liệu áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận (*Danh mục tài liệu đính kèm*).

Điều 2. Ban chỉ đạo ISO chịu trách nhiệm tổ chức phân phối tài liệu đến các bộ phận liên quan thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định đã ban hành trước đây.

Các phòng chuyên môn và cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở KH&CN;
- Chi cục TCĐLCL;
- Lưu: Ban ISO.



DANH MỤC TÀI LIỆU
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TCVN ISO 9001:2015
ÁP DỤNG TẠI SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH NINH THUẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3278/QĐ-SKHĐT ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận)

STT	Tên tài liệu	Lần ban hành	Ngày ban hành	
A. QUY TRÌNH/HƯỚNG DẪN CHUNG CỦA HỆ THỐNG				
1	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	01	27/9/2019	
2	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	01	27/9/2019	
3	Hướng dẫn quản lý rủi ro và cơ hội (phương pháp định lượng)	01	27/9/2019	
4	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	01	27/9/2019	
5	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	01	27/9/2019	
B. CÁC QUY TRÌNH/THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (218 TTHC)				
STT	Tên Thủ tục hành chính			
I	Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh (110 TTHC) <i>Các quyết định số:</i> + <i>Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 02/07/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh với 12 TTHC</i> + <i>Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh với 60 TTHC</i> + <i>Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh với 38 TTHC</i>			
	Lĩnh vực đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học công nghệ tại Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 02/07/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh với 12 TTHC			
	1	Thủ tục đăng ký thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập		
	2	Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh		

3	Thủ tục đăng ký hoạt động văn phòng đại diện
4	Thủ tục đăng ký lập địa điểm kinh doanh
5	Thủ tục đăng ký bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh
6	Thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính
7	Thủ tục đăng ký thay đổi tên tổ chức khoa học và công nghệ công lập
8	Thủ tục đăng ký thay đổi thay đổi vốn điều lệ
9	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
10	Thủ tục đăng ký chấm dứt hoạt động
11	Thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh
12	Thủ tục đề nghị cấp lại giấy chứng đăng ký
1.2	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Ninh Thuận tại Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh với 60 TTHC
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty

	TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp
17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác
18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích
19	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác
20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân
22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần
23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết
24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế
25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người

	đại diện theo ủy quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
27	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
29	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
30	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động
32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
37	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)
38	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân

39	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp
40	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp
41	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp
42	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp
43	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp
44	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp
45	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
46	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
47	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần
48	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
50	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
52	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
53	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp
54	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng
55	Thông báo tạm ngừng kinh doanh
56	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
57	Giải thể doanh nghiệp

58	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án
59	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
60	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp
1.3	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận tại Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh với 38 TTTC
1.3.1	Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
1	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
2	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
3	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
4	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
5	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư
6	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn
7	Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên
8	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp
9	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn
1.3.2	Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
Mục 1	Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu
10	Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập
11	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý
12	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý

13	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên
14	Giải thể công ty TNHH một thành viên
Mục 2	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội
15	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
16	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
17	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
18	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ
19	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ
20	Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội
21	Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ
22	Chuyên cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội
23	Nộp lại con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho cơ quan công an nơi đã cấp Giấy Thủ tục hành chính mới chứng nhận đăng ký mẫu dấu
1.3.3	Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã
24	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã
25	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
26	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
27	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
28	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia
29	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách
30	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất

31	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập
32	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)
33	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã
34	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
35	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã
36	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
37	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
38	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã
II	Lĩnh vực Đầu tư các thành phần kinh tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư với 26 TTHC + Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận với 26 TTHC
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
5	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
7	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

8	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
9	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh
11	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
12	Chuyển nhượng dự án đầu tư
13	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế
14	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài
15	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
16	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
17	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
18	Giãn tiến độ đầu tư
19	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư
20	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
21	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
22	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
23	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
24	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư
25	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư
26	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài

III	<p>Lĩnh vực Đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư với 82 TTHC</p> <p>Các quyết định số:</p> <p>+ Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận với 48 TTHC</p> <p>+ Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận với 25 TTHC</p> <p>+ Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận với 4 TTHC</p> <p>+ Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận với 5 TTHC</p>
3.1	<p>Lĩnh vực Đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận tại Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận với 48 TTHC</p>
3.1.1	<p>Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lựa chọn nhà đầu tư</p>
1	Thủ tục cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư
2	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư
3	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư.
4	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư
5	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư
6	Thủ tục thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư
7	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư
8	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư
9	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư
10	Thủ tục phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư
11	Thủ tục phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư

12	Thủ tục làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư
13	Thủ tục sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư
14	Thủ tục làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư
15	Thủ tục mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư
16	Thủ tục mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư
3.1.2	Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)
17	Thủ tục thẩm định và phê duyệt đề xuất các dự án nhóm A, B, C do UBND cấp tỉnh lập
18	Thủ tục thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án
19	Thủ tục phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án
20	Thủ tục công bố dự án
21	Thủ tục chuyển đổi hình thức đầu tư đối với các dự án đầu tư bằng vốn đầu tư công
22	Thủ tục thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư
23	Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia
24	Thủ tục thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia
25	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
26	Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
27	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
3.1.3	Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đấu thầu, lựa chọn nhà thầu
28	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
29	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn
30	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ

	yêu cầu đối với gói thầu xây lắp
31	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa
32	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn
33	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa
34	Thủ tục thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật
35	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
36	Thủ tục phê duyệt danh sách ngắn
37	Thủ tục giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu
38	Thủ tục giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu
39	Thủ tục lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ
40	Thủ tục đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
41	Thủ tục lựa chọn nhà thầu qua mạng
42	Thủ tục cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu
43	Thủ tục phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
44	Thủ tục làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
45	Thủ tục sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
46	Thủ tục làm rõ hồ sơ dự thầu
47	Thủ tục mở thầu
48	Thủ tục gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn
3.2	Lĩnh vực Đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận tại Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận với 25 TTHC
3.2.1	Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)

1	Thủ tục cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.
2	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.
3	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.
4	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.
5	Thủ tục thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.
6	Thủ tục phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.
7	Thủ tục làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.
8	Thủ tục sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.
9	Thủ tục làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.
10	Thủ tục mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.
11	Thủ tục mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.
3.2.2	Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đấu thầu, lựa chọn nhà thầu
12	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn.
13	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn.
14	Thủ tục phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn.
15	Thủ tục làm rõ hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn.
16	Thủ tục sửa đổi hồ sơ mời thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn.
17	Thủ tục làm rõ hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn.
18	Thủ tục mở thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn.

19	Thủ tục thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng.
20	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh tranh qua mạng.
21	Thủ tục phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng.
22	Thủ tục làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng.
23	Thủ tục sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng.
24	Thủ tục làm rõ hồ sơ dự thầu mua sắm hàng hóa đối với đấu thầu qua mạng.
25	Thủ tục mở thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
3.3	Lĩnh vực Đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận tại Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận với 4 TTTC
3.3.1	Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lựa chọn nhà đầu tư
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất.
2	Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất.
3	Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất.
3.3.2	Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp – nông thôn
4	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ
3.4	Lĩnh vực Đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận tại Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận với 5 TTTC
1	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại
2	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
3	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng

4	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm
5	Xác nhận chuyên gia

GIÁM ĐỐC

Phạm Đông

